

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-PT
Ngày 22 - 7 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Chí L, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà Từ Thị T, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông Từ Văn T2, sinh năm 1973. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.3 Ông Dương Phú K, sinh năm 1971 (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 329, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Từ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương Chí L trình bày: Về nguồn gốc đất do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ ông Dương Phú K vào năm 2018 phần đất gồm 02 thửa: Thửa đất số 49 tờ bản đồ số 20, diện tích 85,3m² và thửa đất số 05 tờ bản đồ số 20, diện tích 171,6m². Cùng năm ông cũng nhận chuyển nhượng phần đất của ông Từ Văn T2 thửa đất số 348 tờ bản đồ số 02, diện tích 225m², đất tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Việc chuyển nhượng này hai bên đã hoàn thành nghĩa vụ với nhau và không có tranh chấp gì. Khi nhận chuyển nhượng đất thì đất lúc đó là cây tạp không có công trình gì trên đó, sau đó ông thi công công trình bờ kè vào tháng 8 năm 2018 và kinh doanh mua bán cá giống bình thường.

Đến ngày 01/12/2019 bà Từ Thị T cùng một số người sang phần đất của ông tự ý cạy trụ đá, kéo lưới B40 rào phần đất của ông ngang khoảng 13m, dài 15m diện tích khoảng 120m² và tuyên bố “*mày ngu quá, sang đất mà không dùng được*”, ông có nhờ chính quyền địa phương lập biên bản sự việc. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà Từ Thị T phải trả lại cho ông phần đất đã rào lấn chiếm diện tích khoảng 120m². Đến ngày 09/7/2021, ông L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với diện tích 9,6m² tại thửa số 3, ông L yêu cầu bà Từ Thị T trả cho ông phần đất qua đo đạc thực tế tại thửa số 1 là 17,0m² và thửa số 2 diện tích 63,2m². Ngoài ra, ông không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Từ Thị T trình bày: Phần đất bà rào lại là của gia đình bà, ông L đã lấn chiếm qua để xây bờ kè nên bà rào lại để gìn giữ đất cho gia đình bà, bà không lấn chiếm đất của ông L nên bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1 trình bày: Bà là vợ ông Trương Chí L, bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Phú K trình bày: Phần đất hiện ông L, bà T1 đứng tên tại thửa 49, tờ bản đồ số 20 diện tích 85,3m² và tại thửa 05 tờ bản đồ số 20 diện tích 171,6m² là do nhận chuyển nhượng từ ông vào năm 2018 với giá là 80.000.000 đồng. Ông với ông L, bà T1 hoàn thành thủ tục với nhau, ông đã giao đất cho vợ chồng ông L và vợ chồng ông L đã giao đủ tiền cho ông. Phần đất này trước đây ông nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Lâm Quang T3 năm 2014 với giá 50.000.000 đồng, phần đất này ông biết ông T3 nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Thị C vào năm 2005. Khi ông nhận chuyển nhượng từ ông T3 là đất vườn chỉ có một số cây tạp, ông không có xây dựng công trình gì trên đó và từ năm 2014 đến năm 2018 phần đất này không có tranh chấp gì với ai. Khi chuyển nhượng ông và ông L có ra chỉ ranh thống nhất với nhau. Nay phần đất có phát sinh tranh chấp do giữa ông và vợ chồng ông L, bà T1 đã hoàn thành nghĩa vụ với nhau nên ông không yêu cầu gì trong vụ án này, đối với việc tranh chấp giữa ông L với bà T thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí L đối với diện tích qua đo đạc thực tế tại thửa số 03 với diện tích 9,6m²; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí L kiện đòi bà Từ Thị T trả phần đất tổng diện tích 80,20m²; Buộc bà Từ Thị T trả cho ông Trương Chí L và bà Phạm Thị T1 phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 80,20m²; Buộc bà Từ Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các tài sản của bà trên đất là 04 trụ đá cao 2m, lưới B40 cao 2m dài 11,4m để giao trả phần đất đã nêu trên cho ông Trương Chí L và bà Phạm Thị T1.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên tứ cạnh và số đo phần đất tranh chấp buộc bà T phải trả cho ông L và tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 01 năm 2022 bị đơn bà Từ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 55/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Từ Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của bà Từ Thị T trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Văn T2 đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do, ông Dương Phú K vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/7/2020 và tại mảnh trích đo địa chính số 105-2020 ngày 14/7/2020, phụ chú kèm theo mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

***Thửa số 01: Diện tích 17,0m²**

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Trương Chí L có cạnh dài 6,4m.
- Hướng Tây giáp thửa số 03, có cạnh dài 5,8m.
- Hướng Nam giáp kênh có cạnh dài 2,15m.
- Hướng Bắc giáp thửa đất số 02, có cạnh dài 5,4m.

Nằm trong phần thửa số 05, tờ bản đồ số 20 do ông Trương Chí L và Phạm Thị T1 đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất. (theo hệ thống bản đồ địa chính xã N thành lập năm 2009).

Hiện trạng trên đất: 02 trụ đá, một phần hàng rào lưới B40, dài 6,4m, cao 02m. (do bà T xây)

***Thửa số 02: Diện tích 63,2m²**

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Trương Chí L có cạnh dài 5,0m.
- Hướng Tây giáp thửa số 3, có cạnh dài 4,7m.
- Hướng Nam giáp thửa số 01 + thửa số 3, có cạnh dài 5,4m + 7,45m.
- Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T4 có cạnh dài 13,3m.

Nằm trong phần thửa số 348, tờ bản đồ số 02 do ông Trương Chí L và Phạm Thị T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (theo hệ thống bản đồ địa chính xã N thành lập năm 1993).

Nằm trong phần thửa số 4 + thửa 59, tờ bản đồ số 20 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. (theo hệ thống bản đồ địa chính xã N thành lập năm 2009).

Hiện trạng trên đất: 02 trụ đá, một phần hàng rào lưới B40, dài 5,0m, cao 02m. (do bà T xây); 01 vách tường hàng rào xây rạch 10 có tô dài 13,3m và 01 phần bờ kè cọc 15cm x 15cm, đà ngang 15cm x 15cm dài 10,2cm (do ông L xây dựng).

***Thửa số 03: Diện tích 9,6m²**

- Hướng Đông giáp thửa số 01, có cạnh dài 5,8m.
- Hướng Tây giáp kênh, có cạnh dài 0,3m.
- Hướng Nam giáp kênh, có cạnh dài 5,8m + 6,35m.
- Hướng Bắc giáp thửa số 02, cạnh dài 7,45m.

Nằm trong phần thửa số 329, tờ bản đồ số 02 do ông Lâm Quang T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã thu hồi do cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (theo hệ thống bản đồ địa chính xã N thành lập năm 1993).

Nằm trong phần thửa 59, tờ bản đồ số 20 chưa có tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. (theo hệ thống bản đồ địa chính xã N thành lập năm 2009).

Hiện trạng trên đất: 01 phần bờ kè còn lại cọc 15cm x 15 cm, đà ngang 15cm x 15cm dài 5,8cm (do ông L xây dựng).

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Từ Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí L.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo nguyên đơn xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là do ông Trương Chí L và bà Phạm Thị T1 nhận chuyển nhượng của ông Dương Phú K vào ngày 04/01/2018, phần đất tọa lạc tại thửa 05, tờ bản đồ số 20, diện tích 171,6m² và thửa số 49, tờ bản đồ số 05 diện tích 85,3m² và vào ngày 27/12/2017 ông L và bà T1 có nhận chuyển nhượng đất từ ông Từ Văn T2 tại thửa 348, tờ bản đồ số 02, diện tích 225m². Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ với nhau, ông L và bà T1 giao đủ tiền cho ông T2 và ông K, ông K và ông T2 đã giao đất cho ông Linh và bà T1. Đến ngày 12/3/2018 ông L, bà T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo phía bị đơn xác định phần đất tranh chấp là của gia đình bà T. Bà T có cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Từ Văn K1 (cha ruột của bà). Tuy nhiên, cơ quan chuyên môn xác định đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K1.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Từ Văn K1 và của cụ C cho thấy, thời điểm ông K1 và cụ C đăng ký làm quyền sử dụng đất cùng ngày là ngày 20/02/1994 và Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ C và ông K1 là cùng một Quyết định (Quyết định số 265/1994). Theo biên bản xác minh ngày 13/8/2021 của ông Nguyễn Văn T4 (là con ruột cụ C) (Bút lục 211) phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ C, phần đất cụ C có một bên giáp phần đất ông Ca Văn T5 (là ông ngoại của bà T), trước đây khi hai người còn sống đã có đào mương làm ranh rõ ràng, hai bên đã sử dụng từ trước đến nay không có tranh chấp gì với ông Từ Văn K1 và các con của ông K1. Đồng thời, bà T cũng thừa nhận từ trước đến nay gia đình bà và gia đình cụ C không có tranh chấp gì với nhau, đất gia đình bà với đất cụ C cách nhau con kênh nhỏ do gia đình đào làm ranh. Đến năm 2005, cụ C chuyển nhượng một phần với diện tích 424m² cho ông Lâm Quang T3. Năm 2014, vợ chồng ông T3, bà Chăm chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông Dương Phú K, năm 2018 ông K chuyển nhượng toàn bộ phần đất trên cho ông L, bà T1. Cũng trong phần đất của cụ C thì năm 2009, cụ C tặng cho ông Từ Văn T2 (ông T2 là cháu ngoại của cụ C) một phần đất tại thửa 348, tờ bản đồ số 02 diện tích 225m², đến năm 2017 ông T2 chuyển nhượng toàn bộ phần đất này cho ông L, bà T1. Đến ngày 12/3/2018 ông L, bà T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất đã chuyển nhượng nêu trên.

Xét về quá trình sử dụng đất cho thấy gia đình cụ C là người quản lý đất sau đó đến ông T3, ông K, ông T2. Sau khi sang nhượng đất của ông K và ông T2 thì vợ chồng ông L sử dụng và tiến hành xây bờ kè để kinh doanh mua bán cá, đến

ngày 01/12/2019 bà Từ Thị T tự ý đem trụ đá cặm và dùng lưới B40 rào lại phần đất mà ông L đang sử dụng, việc này ông L có báo chính quyền địa phương đến lập biên bản sự việc. Từ đó, hai bên phát sinh tranh chấp đất đến nay. Điều này cho thấy, phần đất tranh chấp từ trước đến khi hai bên phát sinh tranh chấp gia đình bà T không có sử dụng phần đất này cũng như không có tranh chấp gì với ai liên quan phần đất này. Bà T cho rằng đất của gia đình bà T nhưng bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của bà.

Mặt khác, tại công văn số 63/VPĐKĐĐ ngày 23/4/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu xác định việc cấp giấy chứng nhận cho ông L và bà T1 tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 20 vào ngày 03/5/2018 và việc chỉnh lý biến động từ ông Từ Văn T2 sang tên ông L, bà T1 tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 02 ngày 12/3/2018 thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định về đất đai tại Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ –CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư số 24/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Từ những phân tích tích trên, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là của ông L và bà T1 nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và phí khai thác tài liệu đất đai là 4.470.000 đồng. Ông Trương Chí L đã nộp đủ 4.470.000 đồng và chi hết nên buộc bà T phải có trách nhiệm hoàn lại cho ông Trương Chí L số tiền 4.470.000 đồng.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Từ Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1, 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157, Điều 158, 165, 166, Điều 227 và 228, Điều 244, 262, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 167, 168, Điều 188 Luật đất đai 2013; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 55/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí L đối với diện tích qua đo đạc thực tế tại thửa số 03 với diện tích 9,6m².

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Chí L kiện đòi bà Từ Thị T trả phần đất tổng diện tích 80,20m².

2.1. Buộc bà Từ Thị T trả cho ông Trương Chí L và bà Phạm Thị T1 phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 80,20m² gồm thửa số 01 và thửa số 02 có vị trí, kích thước như sau:

*Thửa số 01: Diện tích 17,0m²

- Phía đông giáp phần đất của ông Trương Chí L có cạnh dài 6,4m.
- Phía tây giáp thửa số 03, có cạnh dài 5,8m.
- Phía nam giáp kênh có cạnh dài 2,15m.
- Phía bắc giáp thửa đất số 02, có cạnh dài 5,4m.

Đất tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nằm trong phần thửa số 05, tờ bản đồ số 20 do ông Trương Chí L và Phạm Thị T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện trạng trên đất: 02 trụ đá cao 2m, một phần hàng rào lưới B40, dài 6,4m, cao 02m. (do bà T xây)

*Thửa số 02: Diện tích 63,2m²

- Phía đông giáp phần đất của ông Trương Chí L có cạnh dài 5,0m.
- Phía tây giáp thửa số 3, có cạnh dài 4,7m.
- Phía nam giáp thửa số 01 + thửa số 3, có cạnh dài 5,4m + 7,45m.
- Phía bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T4 có cạnh dài 13,3m.

Đất tọa lạc tại ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Nằm trong phần thửa số 348, tờ bản đồ số 02 do ông Trương Chí L và Phạm Thị T1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. (theo hệ thống bản đồ địa chính xã N thành lập năm 1993).

Hiện trạng trên đất: 02 trụ đá cao 2m, một phần hàng rào lưới B40, dài 5,0m, cao 02m. (do bà T xây). 1 vách tường hàng rào xây rạch 10 có tô dài 13,3m và 01 phần bờ kè cọc 15cm x 15 cm, đà ngan 15cm x 15cm dài 10,2cm (do ông L xây dựng)

2.2. Buộc bà Từ Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời các tài sản của bà trên đất là 04 trụ đá cao 2m, lưới B40 cao 2m dài 11,4m để giao trả phần đất đã nêu trên cho ông Trương Chí L và bà Phạm Thị T1.

3. Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và phí khai thác tài liệu đất đai tổng cộng là 4.470.000 đồng, bà Từ Thị T phải chịu toàn bộ chi phí này. Ông Trương Chí L đã nộp số tiền 4.470.000 đồng và chi hết nên buộc bà Từ Thị T phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Trương Chí L số tiền 4.470.000 đồng.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc bà Từ Thị T phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân. Ông Trương Chí L không phải chịu án phí. Ông Trương Chí L đã dự nộp án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002916, ngày 04/02/2020 sẽ được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Từ Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006079 ngày 12/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân;
- Đường sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lệ Kiều